

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29/8/2017
V/v: “Tranh chấp ly hôn,
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Huỳnh

2. Bà Lê Thị Ánh Sáng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số 140/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2017/QĐST-HNGĐ ngày 09/8/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1964 (có mặt)

Trú tại: 501, tổ 3, khu 12, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà Ngô Thị G, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Nơi cư trú cuối cùng: 501, tổ 3, khu 12, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 2 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời khai tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Bùi Văn Đ trình bày:

Ông và bà Ngô Thị G tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 2010, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã L.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nhất là về chi tiêu tài chính trong gia đình dẫn đến gây gổ cãi vã nhau, các vấn đề khác cũng không được đồng thuận. Đến tháng 12 năm 2013, bà G bỏ nhà đi ông không biết đi đâu làm gì, gia đình đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng không có tin tức gì. Ông đã làm đơn yêu cầu và đã được Tòa án nhân dân huyện Long Thành chấp nhận đơn và đã ra Quyết định số 01/2017/QĐ.DSST ngày 09/1/2017 tuyên bố bà G mất tích. Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Ngô Thị G.

Về con chung: có 01 cháu Bùi Quốc M, sinh ngày 11/4/2010. Đề nghị Tòa án giao cháu M cho ông được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu bà G phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Ngô Thị G đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không đến Tòa làm việc nên không ghi được lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Ngày 14 tháng 4 năm 2017, cháu Bùi Quốc M có lời khai đề nghị được sống với bố sau khi bố ly hôn.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L:

- Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 48 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, việc thu thập chứng cứ thực hiện đúng theo điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng trình tự theo các Điều 222 đến 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định các Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định Điều 70, 72 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn ông Bùi Văn Đ, xử cho ông Đ được ly hôn bà G. Về con chung: giao cháu Bùi Quốc M, sinh ngày 11/4/2010 cho ông Đ nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Tạm thời bà G không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà G không đến tham dự phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà G.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Đ và bà G tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 2010 có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai (giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyền số 01 ngày 19 tháng 5 năm 2010) nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, từ năm 2013 đến nay bà G đã bỏ nhà đi khỏi địa phương không có liên lạc gì với gia đình, theo yêu cầu của ông Đ ngày 09/1/2017 Tòa án nhân dân huyện L đã ra quyết định số 01/2017/QĐ.DSST tuyên bố bà G mất tích. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đ, xử cho ông Đ được ly hôn bà G là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam.

[3]. Về con chung: có 01 cháu tên Bùi Quốc M, sinh ngày 11/4/2010.

Xét thấy, sau khi bà G bỏ đi, cháu M được ông Đ chăm sóc tốt. Hiện nay cháu M đã trên 7 tuổi, qua tham khảo ý kiến cháu cũng có nguyện vọng được sống với bố nên cần căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam giao cháu M cho ông Đ tiếp tục nuôi dưỡng.

Ông Đ nuôi con không yêu cầu bà G cấp dưỡng nên không xét.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: ông Đ khai không có nên không xét.

[5] Về án phí: Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- Về hôn nhân : Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn ông Bùi Văn Đ, xử cho ông Bùi Văn Đ được ly hôn bà Ngô Thị G.

- Về con chung: Giao cháu Bùi Quốc M, sinh ngày 11/4/2010 cho ông Bùi Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời bà Ngô Thị G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà Ngô Thị G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung; nợ chung: không xét.

2. Về án phí: Ông Bùi Văn Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 006083 ngày 08/3/2017 của Chi cục thi hành án huyện L. Ông Đ đã nộp đủ án phí.

3. Ông Bùi Văn Đ được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Ngô Thị G được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận :

- CCTHADS H. Long Thành;
- VKSND H. Long Thành;
- UBNDX. LD;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phụng